**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC PHẦN TRIẾT HỌC MÁC – LÊ NIN**

**PHẦN I.**

1. **Vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay ( sự ra đời của triết học Mác-Lênin và các vai trò )?**

* **Sự ra đời và phát triển của Triết học Mác**
* Chủ nghĩa Mác nói chung và Triết học Mác nói riêng ra đời vào những năm 40 của thế kỉ XIX do Mác và Ăng-ghen sáng lập
* Điều kiện kinh tế xã hội:

+ Sự củng cố và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng công nghiệp.

+ Sự xuất hiện của giai cấp vô sản trên vũ đài lịch sử với tư cách một lực lượng chính trị - xã hội độc lập là nhân tố chính trị - xã hội quan trọng cho sự ra đời triết học Mác.

+ Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản là cơ sở chủ yếu nhất cho sự ra đời triết học Mác.

* Nguồn gốc lý luận và tiền đề khoa học tự nhiên.
* Nhân tố chủ quan trong sự hình thành triết học Mác.
* **Các vai trò:**
* Là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn.
* Là cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.
* Là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. **Quan điểm của triết học Mác-Lênin về vật chất ( định nghĩa, ý nghĩa )?**

* **Định nghĩa:**
* Phạm trù vật chất là một sáng tạo của tư duy, nhưng không phải là sự sáng tạo tùy tiện, mà là kết quả của con đường trừu tượng hóa về các sự vật hiện tượng.
* Sự vật, hiện tượng của thế giới có một đặc tính chung, thống nhất là tính vật chất.
* Phương pháp định nghĩa – định nghĩa thông qua khái niệm đối lập với nó trên phương diện nhận thức luận cơ bản, nghĩa là phải định nghĩa vật chất thông qua ý thức.
* Định nghĩa vật chất của Lê-nin: “Vật chất là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác.
* **Những nội dung cơ bản của định nghĩa:**
* Thứ nhất: Vật chất là “ thực tại khách quan” cái tồn tại hiện thực bên ngoài ý thức và không lệ thuộc vào ý thức.

+ Vật chất với tính cách là phạm trù triết học.

+ Dùng để chỉ “ đặc tính duy nhất của vật chất” là cái đặc tính tồn tại với tư cách là hiện thực khách quan, tồn tại ở ngoài ý thức chúng ta.

+ Tính trừu tượng của phạm trù vật chất không tách rời với tính hiện thực của nó.

+ Tuyệt đối hóa tính trừu tượng của phạm trù này sẽ không thấy vật chất đâu cả, sẽ rơi vào quan điểm duy tâm.

+ Ngược lại, tuyệt đối hóa tính hiện thực cụ thể thì sẽ đồng nhất vật chất với vật thể.

* **Các dạng tồn tại cụ thể của vật chất:**

+ Vật thể ( rắn, lỏng, khí)

+ Trường ( ánh sáng, từ trường)

+ Động thực vật

+ Vật chất dưới dạng xã hội

* Thứ hai, vật chất là cái mà khi ta tác động vào các giác quan con người thì sẽ đem lại cho con người cảm giác.

+ Vật chất luôn biểu hiện sự tồn tại hiện thực của mình dưới dạng các thực thể ( sự vật, hiện tượng cụ thể). Các thực thể này khi trực tiếp hay gián tiếp tác động vào các giác quan sẽ đem lại cho con người những cảm giác.

* Thứ ba, vật chất là cái mà ý thức chẳng qua là sự phản ánh của nó.

+ Chỉ có một thế giới duy nhất là thế giới vật chất.

+ Các hiện tượng vật chất luôn tồn tại khách quan, còn cá hiện tượng tinh thần ( cảm giác, tư duy, ý thức,…) có nguồn gốc từ cá hiện tượng vật chất và nội dung của chúng chẳng qua chi là sự chép lại, chụp lại, là bản sao của các sự vật hiện tượng đang tồn tại với tính cách là hiện thực khách quan.

* **Ý nghĩa phương pháp luận định nghĩa:**
* Giải quyết hai mặt vấn đề cơ bản của Triết học trên lập trường chủ nghĩa duy vật triệt để.
* Cung cấp nguyên tắc thế giới quan và phương pháp luậ khoa học để đấu tranh chống chủ nghĩa duy tâm, thuyết bất khả thi, chủ nghĩa duy vật siêu hình.
* Cơ sở khoa học cho việc xác định vật chất trong lĩnh vực xã hội.

1. **Quan điểm của triết học Mác-Lênin về ý thức ( nguồn gốc, bản chất)?**

* **Nguồn gốc:**
* **Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm:**

+ “ Ý niệm tuyệt đối” là bản thể, sinh ra toàn bộ thế giới hiện thực.

+ Cảm giác tồn tại là duy nhất.

+ Phủ nhận tính chất siêu tự nhiên của ý thức, tinh thần.

+ Đồng nhất ý thức với vật chất. Họ coi ý thức chỉ là một dạng vật chất đặc biệt, do vật chất sản sinh ra.

* **Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng:**

+ Ý thức chỉ là thuộc tính của vật chất; nhưng không phải của mọi dạng vật chất, mà là thuộc tính của một dạng vật chất sống có tổ chức cao nhất là bộ óc người.

+ Phản ánh là thuộc tính phổ biến của mọi dạng vật chất.

+ Là sự tái tạo những đặc điểm của một hệ thống vật chất này ở một hệ thống vật chất khác trong quá trình tác động qua lại của chúng.

* **Các hình thức của phản ánh:**
* Giới vô sinh🡪Thực vật🡪Động vật🡪Động vật bậc cao🡪Con người
* Vật lý, hóa học = kích thích = cảm ứng = các phản xạ = tâm lý ĐV=ý thức.
* Ý thức là hình thức phản ánh đặc trưng chỉ có ở con người và là hình thức phản ánh cao nhất của thế giới vật chất.
* Ý thức là sự phản ánh thế giới hiện thực bởi bộ óc con người.
* Sự xuất hiện của con người và hình thành bộ óc của con người có năng lực phản ánh hiện thực khách quan.
* **Nguồn gốc xã hội: lao động và ngôn ngữ**
* Lao động:

+ Điều kiện chủ yếu để con người tồn tại.

+ Hoàn thiện cấu tạo cơ thể, phát triển bộ não.

+ Cung cấp tài liệu.

* Ngôn ngữ:

+ Là phương tiện giao tiếp.

+ Là công cụ của tư duy. Không có ngôn ngữ ý thức không thể tồn tại và thể hiện.

* **Bản chất:**
* Ý thức là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là quá trình phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan của óc người.
* Ý thức:   
  +Nội dụng phản ánh là khách quan.

+Hình thức phản ánh là chủ quan.

* Kết quả: phản ánh phụ thuộc đối tượng phản ánh, điều kiện lịch sử - xã hội, phẩm chất, năng lực, kinh nghiệm sống của chủ thể phản ánh.
* Tính tích cực, sáng tạo của phản ánh ý thức từ hiểu biết khách quan đến sáng tạo khách quan qua thực tiễn.
* Ý thức là một hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội. Ý thức hình thành, phát triển gắn liền với hoạt động thực tiễn xã hội.

**PHẦN II.**

1. **Nội dung về nguyên lý sự phát triển ( định nghĩa, nội dung và ý nghĩa )?**

* **Định nghĩa:** Phát triển là quá trình vận động từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn, từ chất cũ đến chất mới ở trình độ cao hơn.
* **Nội dung:**
* Phát triển là vận động nhưng không phải mọi vận động đều là phát triển, mà chỉ vận động nào theo khuynh hướng đi lên thì mới là phát triển.
* Tiến hóa là một dạng phát triển, diễn ra theo cách từ từ.
* Tiến bộ là một quá trình biến đổi hướng tới cải thiện thực trạng xã hội từ chỗ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn so với thời điểm ban đầu.
* Quan niệm siêu hình phủ nhận sự phát triển. Phát triển ở đây chỉ là sự tăng lên hoặc giảm đi về mặt lượng, chỉ là sự tuần hoàn, lặp đi lặp lại mà không có sự thay đổi về chất.
* **Ý nghĩa:**
* Sự vật hiện tượng không cô lập, tách biệt, mà tác động ràng buộc, quy định lẫn nhau.
* Luôn vận động, biến đổi từ thấp đến cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện.

1. **Nội dung cặp phạm trù cái riêng và cái chung (định nghĩa, mối quan hệ, ý nghĩa phương pháp luận)?**

* **Định nghĩa:**
* Cái riêng là phạm trù triết học dùng để chỉ một sự vật, hiện tượng nhất định.
* Cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính không những có ở những sự vật, hiện tượng nào đó, mà còn lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng khác.
* **Mối quan hệ**
* Các nhà duy thực khẳng định: cái chung tôn tại độc lập, không phụ thuộc vào cái riêng.
* Các nhà duy danh khẳng định: Cái chung không tồn tại thực trong hiện thực khách quan, chỉ có sự vật đơn lẻ, cái riêng mới tồn tại thực, chỉ tồn tại trong tư duy con người, chỉ là tên gọi của các đối tượng đơn lẻ.
* Chỉ cái riêng mới tồn tại độc lập. Còn cái chung và cái đơn nhất đều chỉ tồn tại trong cái riêng, như là các mặt của cái riêng.
* **Ý nghĩa phương pháp luận**
* Tìm cái chung trong cái riêng
* Vận dụng cái chung để cải tạo cái riêng
* Cá biệt hóa cái chung
* Biến “ cái đơn nhất” có lợi thành “cái chung” và ngược lại.

1. **Nội dung cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả (định nghĩa, mối quan hệ, ý nghĩa phương pháp luận)?**

* **Định nghĩa:**
* Nguyên nhân là phạm trù triết học dùng để chỉ sự tương tác lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau gây nên những biến đổi nhất định.
* Kết quả là phạm trù triết học dùng để chỉ những biến đổi xuất hiện do sự tương tác giữa các yếu tố mang tính nguyên nhân gây nên.
* **Mối quan hệ:**
* Nguyên nhân bao giờ cũng có trước kết quả
* Tính phức tạp của mối liên hệ nhân quả:

+ Một nguyên nhân có thể sinh ra nhiều kết quả.

+ Một kết quả do nhiều nguyên nhân gây ra.

+ Nguyên nhân và kết quả có thể thay đổi vị trí cho nhau.

* Sự tác động trở lại của kết quả đối với nguyên nhân.
* **Ý nghĩa phương pháp luận**
* Cần tìm nguyên nhân của các sự vật, hiên tượng trong thế giới hiện thực.
* Cần phân biệt các nguyên nhân và chiều hướng tác động.
* Lợi dụng những kết quả đã đạt được để tác động trở lại nguyên nhân.

1. **Nội dung, quy luật từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại( vị trí, khái niệm, mối quan hệ, ý nghĩa phương pháp luận)?**

* **Vị trí:**
* Ba quy luật của phép biện chứng duy vật, nó cho biết phương thức của sự vận động và phát triển. Việc nhận thức quy luật này có ý nghĩa to lớn trong thực tiễn khi chúng ta xem xét các sự vật, hiện tượng.
* **Khái niệm:**

- Chất là khái niệm dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có cảu sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính, yếu tố tạo nên sự vật, hiện tượng làm cho sự vật, hiện tượng là nó mà không phải sự vật, hiện tượng khác.

- Lượng là khái niệm dùng để chỉ tính quy định vốn có của sự vật, hiện tượng về mặt quy mô, trình độ phát triển, các yếu tố biểu hiện ở số lượng các thuộc tính, ở tổng số các bộ phận, ở đại lượng, ở tốc độ và nhịp điệu vận động và phát triển của sự vật, hiện tượng.

* **Mối quan hệ:**

- Những sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng có cơ sở tất yếu từ những sự thay đổi về lượng cảu sự vật, hiện tượng và ngược lại, những sự thay đổi về chất của sự vật, hiện tượng lại tạo ra những biến đổi về lượng cảu sự vật, hiện tượng trên các phương diện khác nhau.

* **Ý nghĩa phương pháp luận:**

### - ****Ý nghĩa trong nhận thức****

+ Nhờ có phương pháp luận lượng chất mà chung ta hiểu rằng bất cứ sự vật, hiện tượng nào cũng đều vận động và phát triển.

+ Sự vật, hiện tượng nào cũng đều tồn tại hai mặt: Lượng và Chất. Do đó khi nhận thức, chúng ta cần nhận thức về cả hai mặt lượng và chất để có có cái nhìn phong phú hơn về những sự vật, hiện tượng tồn tại xung quanh chúng ta.

+ Cần phải làm rõ quy luật phát triển của sự vật, hiện tượng bằng cách xác định giới hạn độ, điểm nút, bước nhảy.

### ****Ý nghĩa trong thực tiễn****

+ Muốn có sự biến đổi về chất thì cần kiên trì để biến đổi về lượng (bao gồm độ và điểm nút);

+ Cần tránh hai khuynh hướng sau:

Thứ nhất, nôn nóng tả khuynh: Đây là việc mà một cá nhân không kiên trì và nỗ lực để có sự thay đổi về lượng nhưng lại muốn có sự thay đổi về chất;

Thứ hai, bảo thủ hữu khuynh: Lượng đã được tích lũy đến mức điểm nút nhưng không muốn thực hiện bước nhảy để có sự thay đổi về chất.

+ Nếu không muốn có sự thay đổi về chất thì cần biết cách kiểm soát lượng trong giới hạn độ.

+ Bước nhảy là một giai đoạn hết sức đa dạng nên việc thực hiện bước nhảy phải được thực hiện một cách cẩn thận.

1. **Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức (khái niệm, vai trò, nguyên tắc)?**

* **Khái niệm:**
* Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất - cảm tính, có tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội phục vụ nhân loại tiến bộ.
* Nhận thức là quá trình phản ánh tích cực , tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người trên cơ sở thực tiễn, nhằm sáng tạo ra tri thức về thế giới khách quan đó.
* **Vai trò:**
* **Là cơ sở, động lực của nhận thức.**

+ Thực tiễn đặt ra nhiệm vụ cho nhận thức giải quyết, thông qua việc giải quyết những nhiệm vụ cho nhận thức giải quyết, thông qua việc giải quyết những nhiệm vụ do thực hiện đặt ra mà nhận thức không ngừng phát triển.

+ Thực tiễn còn giúp con người hoàn thiện các giác quan; cung cấp cho con người những phương tiện, công cụ thực nghiệm để hỗ trợ cho quá trình nhân thức của con người.

* **Là mục đích của nhận thức.**

+ Mục đích mà mọi quá trình nhận thức hướng tới chính là thực tiễn.

+ Để góp phần làm cho hoạt động thực tiễn của con người ngày càng hiệu quả hơn, cuộc sống của con người ngày càng tốt đẹp hơn.

* **Là tiêu chuẩn của chân lý.**

+ Thước đo giá trị của tri thức.

+ Không ngừng bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

* **Nguyên tắc**

**-** Yêu cầu nhận thức xuất phát từ thực tiễn, dựa trên cơ sở thực tiễn phải chú trọng công tác tổng kết thực tiễn.

- Học đi đôi với hành.

- Chống khuynh hướng xa rời thực tiễn: bệnh chủ quan, duy ý chí, giáo điều, máy móc và quan liêu.

- Chống khuynh hướng tuyệt đối hoá thực tiễn: chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa kinh nghiệm.

**PHẦN III.**

1. **Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất(vị trí, khái niệm, mối quan hệ, ý nghĩa phương pháp luận )?**

**\* Vị trí** :Là quy luật cơ bản nhất của sự vận động, phát triển lịch sử - xã hội. Chi phối sự vận động, phát triển của xã hội.

**\* Khái niệm:**

- Lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, tạo ra sức sản xuất và năng lực thực tiễn làm biến đổi các đối tượng vật chất của giới tự nhiên theo nhu cầu nhất định của con người và xã hội.

- Quan hệ sản xuất là tổng hợp các quan hệ kinh tế - vật chất giữa con người với con người trong quá trình sản xuất vật chất.

\* **Mối quan hệ:**

- Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của một phương thức sản xuất có tác động biện chứng, trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, còn quan hệ sản xuất tác động trở lại đối với lực lượng sản xuất.

- LLSX quyết định QHSX:

+ Sự vận động và phát triển của phương thức sản xuất bắt đầu từ biến đổi của lực lượng sản xuất.

+ Lực lượng sản xuất là nội dung của quá trình sản xuất --> năng động, thường xuyên phát triển.

+ Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội --> ổn định.

+ Trong sự vận động mâu thuẫn biện chứng đó, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất.

+ Sự phù hợp là đòi hỏi khách quan của nền sản xuất. Sự phù hơp --> Lực lượng sản xuất phát triển.

+ Lực lượng sản xuất vận động --> mâu thuẫn với tính “ đứng im” tương đối của quan hệ sản xuất.

+ Lực lượng sản xuất vận động, phát triển --> mâu thuẫn với tính “ đứng im” tương đối của quan hệ sản xuất.

--> Quan hệ sản xuất từ chỗ là “hình thức phù hợp”, tạo địa bàn “phát triển của lực lượng sản xuất” trở thành “xiềng xích” kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

- QHSX tác động trở lại LLSX:  
+ Sự phù hợp của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất --> Lực lượng sản xuất phát triển.

+ Sự phù hợp quy định mục đích, xu hướng phát triển của nền sản xuất xã hội; hình thành hệ thống động lực thúc đẩy sản xuất phát triển; đem lại năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền sản xuất.

+ Không phù hợp --> kìm hãm, thậm chí phá hoại lực lượng sản xuất. Tuy nhiên sự kìm hãm đó chỉ diễn ra trong những giới hạn và điều kiện nhất định.

\* **Ý nghĩa phương pháp luận:**

- Quy luật này là một quy luật phổ biến tác động trong toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại.

- Chính sự tác động của quy luật này dẫn đến sự thay thế nhau của những phương thức sản xuất.

\* Trong đời sống xã hội:

- Nó có ý nghĩa phương pháp luận rất quan trọng, đó là trong hoạt động thực tiễn, muốn phát triển kinh tế thì phải phát triển lực lượng sản xuất, trong đó chú trọng phát triển lực lượng lao động và cải tiến công cụ lao động.

- Xoá bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới không phải là kết quả của mệnh lệnh hành chính.

- Là cơ sở để nhận thức sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam

1. **Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng (khái niệm, mối quan hệ, ý nghĩa)?**

\* **Khái niệm:**

- Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó.

- Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định

\* **Mối quan hệ:**

- Là một quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội.

- CSHT quyết định KTTT:

+ Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, còn kiến trúc thượng tầng là sự phản ánh cơ sở hạ tầng, phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng.

+ Cơ sở hạ tầng với tính cách là cơ cấu kinh tế hiện thực sẽ quyết định kiểu kiến trúc thượng tầng.

+ Tính phụ thuộc của KTTT có nguyên nhân từ **tính tất yếu** kinh tế đối với toàn bộ các lĩnh vực đời sống xã hội.

- KTTT tác động lại CSHT:

+ Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại đối với cơ sở hạ tầng.

+ Do chức năng xã hội của kiến trúc thượng tầng.

+ Tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng: thúc đẩy hoặc kìm hãm.

+ Phụ thuộc vào sự phù hợp hay khoong phù hợp đối với nhu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế.

\* **Ý nghĩa:**

- Là cơ sở khoa học cho việc nhận thức một cách đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị.

- Sẽ sai lầm nếu tách rời hoặc tuyệt đối hoá một yếu tố nào giữa kinh tế và chính trị.

- Trong thời kỳ Đổi mới, Đảng ta chủ trương đổi mới toàn diện cả kinh tế lẫn chinhs trị, trong đó đổi mới kinh tế là trung tâm.

1. **Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên(khái niệm, tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người, giá trị khoa học và ý nghĩa cách mạng)?**

**\*** **Khái niệm:**

- Hình thái kinh tế - xã hội là một phạm trù cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng nấc thang lích sử nhất định với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất và một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên quan hệ sản xuất đặc trưng ấy.

\* **Tiến trình lịch sử** - **tự nhiên của xã hội loài người:**

- Khi phân tích sự phát triển của lịch sử nhân loại theo lý luận hình thái kinh tế - xã hội, C.Mác cho răng “ Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên”.( Công xã nguyên thuỷ - Chiếm hữu nô lệ - Phong kiến - Tư bản chủ nghĩa - Cộng sản chủ nghĩa ).

- Sự phát triển các hình thía kinh tế - xã hội là một quá trình tuân theo quy luật khách quan mà hầu hết là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, quy luật kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng.

- Nguồn gốc sâu xa dẫn đến sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội đều có nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp từ phát triển lực lượng sản xuất.

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất đã quyết định sẽ làm thay đổi quan hệ sản xuất.

- Đến lượt mình, quan hệ sản xuất thay đổi sẽ làm kiến trúc thượng tầng thay đổi theo.

- Con đường phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc không bị chi phối bởi những quy luật chung, mà còn bị tác động bởi điều kiện tự nhiên, chính trị, truyền thông văn hoá, điều kiện quốc tế.

\* **Giá trị khoa học:**

- Sản xuất vật chất là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người.

- Xã hội là một cơ thể sinh động trong đó quan hệ sản xuất giữ vai trò quyết định , là tiêu chuẩn khách quan phân biệt các chế độ xã hội.

- Sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.

\* **Ý nghĩa cách mạng:**

- Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội ra đời là một cuộc cách mạng về toàn bộ quan niệm về lịch sử xã hội.

- Là cơ sở khoa học cho việc xác định con đường phát triển của Việt Nam là việc

1. **Quan điểm triết học Mác – Lênin về nhà nước( nguồn gốc, bản chất, đặc trưng và chức năng của nhà nước)?**

**\* Nguồn gốc:**

- Nhà nước ra đời trong điều kiện lịch sử nhất định, Nhà nước là sản phẩm của một xã hội đã phát triển đến giai đoạn nhất định.

- Nhà nước ra đời đáp ứng nhu cầu duy trì trật tự và thống trị xã hội của giai cấp thống trị.

- Nguyên nhân sâu xa xuất hiện Nhà nước là do sự phát triển của lực lượng sản xuất dẫn đến dư thừa tương đối của cải, xuất hiện chế độ tư hữu.

- Nguyên nhân trực tiếp xuất hiện Nhà nước là do mâu thuẫn giai cấp trong đến xã hội không thể điều học được.

\* **Bản chất:**

- Nhà nước là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.

+ Nhà nước chỉ là một công cụ chuyên chính của giai cấp, không có Nhà nước đứng trên hay đứng ngoài giai cấp.

+ Nhà nước dù tồn tại dưới hình thức nào thì cũng phản ánh và mang bản chất giai cấp.

\* **Đặc trưng:**

- Nhà nước quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định.

- Nhà nước có chính quyền chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên như: hệ thống chính quyền từ Trung ương đến cơ sở, lực lượng vũ trang, cảnh sát, nhà tù…

- Nhà nước có hệ thống thuế khoá để nuôi bộ máy chính quyền.

\* **Chức năng:**

- **Chức năng thống trị chính trị:**

+ Nhà nước thường xuyên sử dụng bộ máy quyền lực để duy trì sự thống trị đó thông qua hệ thống pháp luật.

+ Bộ máy Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở duy trì trật tự xã hội, đàn áp mọi sự phản kháng của giai cấp bị trị, các lực lượng chống đối nhằm bảo vệ địa vị và quyền lợi của giai cấp thống trị.

- **Chức năng xã hội:**

+ Nhà nước làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về xã hội, điều hành các công việc chung của xã hội.

- **Chức năng đối nội:**

+ Nhằm duy trì trật tự xã hội thông qua các công cụ như chính sách xã hội, luật pháp, chính quyền,…

+ Chức năng đối nội để thực hiện trong tất cả các lĩnh vực trong đời sống xã hội của mối quốc gia.

+ Chức năng đối nội được Nhà nước thực hiện một cách thường xuyên thông qua lăng kính của giai cấp thống trị.

- **Chức năng đối ngoại:**

+ Nhà nước triển khai thực hiện chính sách đối ngoại của giai cấp thống trị nhằm giải quyết mối quan hệ với các thể chế Nhà nước khác.

+ Trong xã hội hiện đại chính sách đối ngoại do cách giải quyết xem trọng, xem đó là sự phát triển của mình.

+ Các nước không chỉ quan hệ với nhau mà còn quan hệ với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ.

1. **Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người ( quan niệm con người và bản chất con người)?**

**\* Quan niệm con người:**

- Con người là thực thể sinh học - xã hội:

+ Con người là một sinh vật có tính xã hội ở trình độ phát triển cao nhất của giới tự nhiên và của lịch sử xã hội, là chủ thể của lịch sử, sáng tạo nên tất cả các tựu của văn minh và văn hoá.

+ Về phương diện sinh học, con người là một thực thể sinh vật, là sản phẩm của giới tự nhiên, là một động vật xã hội.

- Con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình.

- Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người.

- Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử.

\* **Bản chất con người:** Trong tính hiện thực của nó, bản chất của con người là tổng hoà các quan hệ xã hội.